

Số: 655 /QĐ-MĐC

Hà Nội, ngày 06 tháng 6 năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc khen, thưởng cho sinh viên đạt giải  
tại kỳ thi Olympic cấp Trường năm học 2023-2024

### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ về quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 15/4/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm và thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 26/2021/TT-BGDĐT ngày 17/9/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên trong các cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ Chương V "Hoạt động nghiên cứu khoa học và thi Olympic của sinh viên" quy định về việc Quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học và thi Olympic của sinh viên, ban hành theo Quyết định số 2311/QĐ-MĐC, ngày 25/12/2023;

Căn cứ Quyết định số 508/QĐ-MĐC ngày 03/6/2022 về việc ban hành Quy định về quản lý tài chính và chi tiêu nội bộ của trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Căn cứ kết quả tổ chức kỳ thi Olympic cấp Trường năm học 2023-2024;

Theo đề nghị của Ban Tổ chức thi Olympic cấp Trường, các ông (bà) Trưởng phòng Khoa học Công nghệ và Trưởng phòng Kế hoạch Tài chính.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Tặng giấy khen cho các sinh viên đạt giải Nhất, Nhì, Ba và Khuyến khích tại kỳ thi Olympic cấp Trường năm học 2023-2024 (danh sách kèm theo).

**Điều 2.** Trích 62 000 000đ (bằng chữ: Sáu mươi hai triệu đồng chẵn) thưởng cho các sinh viên đạt giải nêu trên.

**Điều 3.** Giao cho phòng Công tác Chính trị - Sinh viên chịu trách nhiệm lập dự trù kinh phí và thanh quyết toán đối với các công việc liên quan đến công tác trao thưởng, in giấy khen và tổ chức trao giải cho các sinh viên đạt giải đồng thời tập hợp thông kê thông tin tài khoản các sinh viên đạt giải để chuyển khoản kinh phí khen thưởng.

**Điều 4.** Ban Tổ chức Olympic cấp Trường, các ông (bà) Trưởng phòng Khoa học Công nghệ, Trưởng phòng Kế hoạch Tài chính, Trưởng phòng Công tác Chính trị - Sinh viên và các sinh viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /fcb

### Nơi nhận:

- Như điều 4;
- Phó Hiệu trưởng (để p/h chỉ đạo);
- HUMG eOFFICE;
- Lưu: HCTH, KHTC, KHCN.



GS.TS Trần Thanh Hải

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠT GIẢI KỲ THI OLYMPIC CẤP TRƯỜNG NĂM HỌC 2023-2024***(kèm theo Quyết định số 655/QĐ/MDC ngày 06 tháng 6 năm 2023)*

TT	Họ và tên đệm	Tên	Lớp	MSSV	Ngày sinh	Giải	Môn thi	Mức thưởng (vnd)	Ghi chú
<b>GIẢI NHẤT</b>									
1	Dương Văn	Chanh	Quản trị kinh doanh_K66_01A	2124011829	06-01-2003	Nhất	Khoa học Mác - Lê nin và Tư tưởng HCM	500,000	
2	Phạm Quang	Đạo	Quản lý xây dựng_K67A	2221070196	03-09-2004	Nhất	Cơ kết cấu	500,000	
3	Nguyễn Tiến	Dũng	Công nghệ phần mềm_K66B	2121050220	29-10-2003	Nhất	Tin học	500,000	
4	Nguyễn Tiến	Khởi	Công nghệ thông tin B_K68	2321050038	22-06-2005	Nhất	Giải tích	500,000	
5	Trần Thị	Khuyên	Quản trị kinh doanh_K66_01C	2124010617	20-06-2003	Nhất	Khoa học Mác - Lê nin và Tư tưởng HCM	500,000	
6	Tạ Văn	Long	Đại học - Cơ khí ô tô K66	2121060413	16-05-2003	Nhất	Chi tiết máy	500,000	
7	Bùi Quang	Minh	Công nghệ thông tin_K67D2	2221050123	28-08-2004	Nhất	Khoa học Mác - Lê nin và Tư tưởng HCM	500,000	
8	Vũ Minh	Nguyệt	Công nghệ kỹ thuật hóa học_K65	2021010183	04-11-2002	Nhất	Hoá học đại cương	500,000	
9	Vũ Nguyễn Yên	Nhi	Tài chính - ngân hàng_K66C1	2124011644	27-02-2003	Nhất	Tiếng Anh K64-65-66	500,000	
10	Nguyễn Đình	Phú	Công nghệ thông tin_K67A2	2221050114	25-07-2004	Nhất	Tiếng Anh K67	500,000	
11	Nguyễn Văn Hoàng	Phúc	Kỹ thuật cơ khí_K68	2321060376	14-12-2005	Nhất	Cơ lý thuyết	500,000	
12	Phạm Thị	Phượng	Công nghệ thông tin_K67A1	2221050063	20-06-2004	Nhất	Đại số	500,000	
13	Lê Anh	Quân	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá_K66A1	2121060009	14-12-2003	Nhất	Giải tích	500,000	
14	Lê Anh	Quân	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá_K66A1	2121060009	14-12-2003	Nhất	Hoá học đại cương	500,000	
15	Nguyễn Trần Minh	Quân	Khoa học máy tính ứng dụng_K66A	2121050003	15-04-2003	Nhất	Vật lý	500,000	
16	Nguyễn Anh	Quyết	Đại học - Công nghệ chế tạo máy K66	2121060724	02-03-2003	Nhất	Ứng dụng tin học trong Thiết kế chi tiết máy	500,000	



TT	Họ và tên đệm	Tên	Lớp	MSSV	Ngày sinh	Giải	Môn thi	Mức thưởng (vnd)	Ghi chú
17	Lường Thị Như	Quỳnh	Kỹ thuật địa chất_K67	2221020101	17-05-2004	Nhất	Khoa học Mác - Lê nin và Tư tưởng HCM	500,000	
18	Lê Hồng	Son	Quản lý xây dựng_K67C	2221070217	01-11-2004	Nhất	Cơ kết cấu	500,000	
19	Nguyễn Đức	Tân	Địa kỹ thuật xây dựng_K66	2121020043	23-02-2003	Nhất	Cơ học đất	500,000	
<b>GIẢI NHÌ</b>									
1	Đình Mai	An	Công nghệ thông tin_K67D1	2221050181	12-08-2004	Nhì	Đại số	300,000	
2	Dương Quỳnh	Anh	Đại học-Quản trị kinh doanh-K68	2324010225	08-04-2005	Nhì	Tiếng Anh K68	300,000	
3	Lò Văn	Bóng	Đại học_Quản lý tài nguyên và môi trường_K66	2121080024	01-01-2003	Nhì	Khoa học Mác - Lê nin và Tư tưởng HCM	300,000	
4	Trần Quốc	Chính	Công nghệ thông tin (Chất lượng cao)_K67C	2221050784	22-07-1999	Nhì	Tiếng Anh K67	300,000	
5	Hoàng Biên	Cương	Đại học - Cơ khí ô tô K66	2121060268	03-06-2003	Nhì	Chi tiết máy	300,000	
6	Đỗ Văn	Đạt	Khoa học Dữ liệu A_K68	2321050078	01-02-2005	Nhì	Tiếng Anh K68	300,000	
7	Lương Trung	Đức	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng_67B	2224010282	27-08-2004	Nhì	Tiếng Anh K64-65-66	300,000	
8	Lê Mạnh	Duy	Quản trị thương mại điện tử_K66_04G	2121060169	05-04-2003	Nhì	Khoa học Mác - Lê nin và Tư tưởng HCM	300,000	
9	Nguyễn Hoàng	Hà	Đại học - Kỹ thuật Ô tô_K67A	2221060250	25-05-2004	Nhì	Cơ lý thuyết	300,000	
10	Nguyễn Lương Hoàng	Hải	Quản lý xây dựng_K67C	2221070106	14-03-2004	Nhì	Cơ kết cấu	300,000	
11	Ngô Trung	Hiếu	Xây dựng hạ tầng cơ sở_67	2221070068	20-02-2004	Nhì	Cơ kết cấu	300,000	
12	Nguyễn Ngọc	Hoàn	Đại học - Công nghệ chế tạo máy K66	2121060025	20-10-2002	Nhì	Ứng dụng tin học trong Thiết kế chi tiết máy	300,000	
13	Chu Văn	Hoàng	Điện-Điện tử	2121060219	18-04-2003	Nhì	Khoa học Mác - Lê nin và Tư tưởng HCM	300,000	
14	Nguyễn Tôn	Hoàng	Kỹ thuật Cơ Điện tử_K66B	2121060634	05-11-2003	Nhì	Sức bền vật liệu	300,000	

TT	Họ và tên đệm	Tên	Lớp	MSSV	Ngày sinh	Giải	Môn thi	Mức thưởng (vnd)	Ghi chú
15	Nguyễn Thị	Hồng	Quản lý công nghiệp_K66B	2124012244	01-05-2003	Nhì	Khoa học Mác - Lê nin và Tư tưởng HCM	300,000	
16	Vũ Kim	Huế	Kế toán_K67A1	2224010364	27-05-2004	Nhì	Khoa học Mác - Lê nin và Tư tưởng HCM	300,000	
17	Đoàn Minh	Hung	Đại học - Công nghệ chế tạo máy K66	2121060383	17-12-2003	Nhì	Cơ lý thuyết	300,000	
18	Nguyễn Quốc	Huy	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá_K66C1	2121060597	25-03-2003	Nhì	Giải tích	300,000	
19	Lê Khắc	Khánh	Kỹ thuật cơ khí động lực_K66	2121060559	12-07-2003	Nhì	Chi tiết máy	300,000	
20	Bùi Văn Khiêm	Khiêm	Công nghệ thông tin B_K68	2321050076	24-12-2005	Nhì	Tiếng Anh K68	300,000	
21	Nguyễn Thị Ngọc	Lan	Quản trị thương mại điện tử_67A	2224010516	20-11-2004	Nhì	Khoa học Mác - Lê nin và Tư tưởng HCM	300,000	
22	Vũ Thị	Lan	Kế toán_K66F2	2124011971	14-01-2003	Nhì	Khoa học Mác - Lê nin và Tư tưởng HCM	300,000	
23	Hoàng Diệu	Linh	Khoa học máy tính ứng dụng_K66C	2121050577	26-04-2003	Nhì	Khoa học Mác - Lê nin và Tư tưởng HCM	300,000	
24	Nguyễn Đình	Linh	Công nghệ thông tin_K67D1	2221050431	27-11-2004	Nhì	Tin học	300,000	
25	Nguyễn Hoàng	Long	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá B_K68	2321060041	06-06-2005	Nhì	Đại số	300,000	
26	Bùi Quang	Minh	Công nghệ thông tin_K67D2	2221050123	28-08-2004	Nhì	Tiếng Anh K67	300,000	
27	Nguyễn Thuý	Nga	Hệ thống thông tin_K66C	2121051524	29-12-2003	Nhì	Khoa học Mác - Lê nin và Tư tưởng HCM	300,000	
28	Mai Thanh	Nga	Xây dựng dân dụng và công nghiệp_67	2221070124	24-03-2004	Nhì	Sức bền vật liệu	300,000	
29	Nguyễn Văn	Nhã	Đại học - Công nghệ chế tạo máy K66	2121060690	30-01-2003	Nhì	Ứng dụng tin học trong Thiết kế chi tiết máy	300,000	
30	Nguyễn Hồng	Nhung	Quản lý đất đai_K67C	2221030213	01-07-2004	Nhì	Khoa học Mác - Lê nin và Tư tưởng HCM	300,000	
31	Bùi Thị Mai	Phương	Tài chính - ngân hàng_K67B	2224010888	05-12-2004	Nhì	Khoa học Mác - Lê nin và Tư tưởng HCM	300,000	
32	Vương Lan	Phương	Đại học-Quản trị kinh doanh-K68	2324010005	30-11-2005	Nhì	Tiếng Anh K68	300,000	

TT	Họ và tên đệm	Tên	Lớp	MSSV	Ngày sinh	Giải	Môn thi	Mức thưởng (vnd)	Ghi chú
33	Hoàng Anh	Quân	Công nghệ thông tin (Chất lượng cao)_K67B	2221050003	30-06-2004	Nhì	Tiếng Anh K67	300,000	
34	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	Công nghệ thông tin_K67C2	2221050670	23-11-2004	Nhì	Khoa học Mác - Lê nin và Tư tưởng HCM	300,000	
35	Trần Đăng Ka	Song	Công nghệ thông tin_K67A1	2221050436	15-10-2004	Nhì	Tiếng Anh K67	300,000	
36	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	Công nghệ thông tin B_K68	2321050053	12-01-2005	Nhì	Tiếng Anh K68	300,000	
37	Nguyễn Văn	Thắng	Địa kỹ thuật xây dựng_K66	2121020004	28-11-2024	Nhì	Cơ học đất	300,000	
38	Trần Hoàng	Thành	Công nghệ thông tin_K67D1	2221050831	19-09-2004	Nhì	Tin học	300,000	
39	Hà Văn Thành	Thành	Kỹ thuật dầu khí_K68	2321010105	28-05-2004	Nhì	Vật lý	300,000	
40	Bùi Thị	Thuý	Công nghệ kỹ thuật hóa học_K65	2021010084	14-09-2002	Nhì	Khoa học Mác - Lê nin và Tư tưởng HCM	300,000	
41	Trương Ngọc	Toan	Công nghệ kỹ thuật hoá học_K67	2221010001	24-12-2004	Nhì	Hoá học đại cương	300,000	
42	Đặng Tuyết	Trang	Khoa học máy tính ứng dụng_K66D	2121050964	02-07-2003	Nhì	Khoa học Mác - Lê nin và Tư tưởng HCM	300,000	
43	Dương Anh	Tú	Đại học - Kỹ thuật Ô tô_K67B	2221060656	04-04-2004	Nhì	Giải tích	300,000	
44	Vũ Minh	Tú	Công nghệ thông tin_K67C2	2221050084	06-05-2004	Nhì	Tiếng Anh K67	300,000	
45	Phạm Đình	Tùng	Công nghệ thông tin_K67C1	2221050622	23-10-2004	Nhì	Khoa học Mác - Lê nin và Tư tưởng HCM	300,000	
<b>GIẢI BA</b>									
1	Nguyễn Hữu Thành	An	Kỹ thuật điện_K68A	2321060029	05-11-2005	Ba	Tiếng Anh K68	200,000	
2	Đình Mai	An	Công nghệ thông tin_K67D1	2221050181	12-08-2004	Ba	Vật lý	200,000	
3	Nguyễn Trịnh Duy	Anh	Địa kỹ thuật xây dựng_K67	2221020141	13-10-2004	Ba	Cơ kết cấu	200,000	
4	Nguyễn Văn	Anh	Kế toán_K66D1	2124011112	25-09-2003	Ba	Khoa học Mác - Lê nin và Tư tưởng HCM	200,000	

TT	Họ và tên đệm	Tên	Lớp	MSSV	Ngày sinh	Giải	Môn thi	Mức thưởng (vnd)	Ghi chú
5	Trần Việt	Anh	Công nghệ thông tin_K67A1	2221050164	02-09-2003	Ba	Khoa học Mác - Lê nin và Tư tưởng HCM	200,000	
6	Bùi Thị Minh	Anh	Đại học-Quản trị kinh doanh-K68	2324010133	29-06-2005	Ba	Tiếng Anh K68	200,000	
7	Dương Trần Nhật	Anh	Công nghệ thông tin B_K68	2321050002	17-05-2005	Ba	Tiếng Anh K68	200,000	
8	Dương Hà Ngọc	Ánh	Quản trị thương mại điện tử_67B	2224010301	08-09-2004	Ba	Khoa học Mác - Lê nin và Tư tưởng HCM	200,000	
9	Vũ	Bào	Địa kỹ thuật xây dựng_K66	2121020061	25-07-2003	Ba	Cơ học đất	200,000	
10	Đào Tất	Bình	Đại học - Công nghệ chế tạo máy K66	2121060537	18-10-2003	Ba	Sức bền vật liệu	200,000	
11	Nguyễn Ngọc	Châu	Công nghệ kỹ thuật hoá học_K67	2221010015	26-05-2004	Ba	Khoa học Mác - Lê nin và Tư tưởng HCM	200,000	
12	Nguyễn Văn	Chung	Công nghệ thông tin B_K68	2321050024	14-06-2005	Ba	Đại số	200,000	
13	Nguyễn Văn	Chung	Công nghệ thông tin B_K68	2321050024	14-06-2005	Ba	Vật lý	200,000	
14	Phạm Hồng	Đạt	Công nghệ thông tin_K67B2	2221050470	30-10-2004	Ba	Tiếng Anh K67	200,000	
15	Nguyễn Ngọc	Diệp	Tài chính - ngân hàng_K66A2	2124010415	27-03-2003	Ba	Khoa học Mác - Lê nin và Tư tưởng HCM	200,000	
16	Đặng Gia	Định	Khoa học Dữ liệu_K67A	2221050269	15-10-2004	Ba	Tiếng Anh K67	200,000	
17	Lương Trung	Đức	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng_67B	2224010282	27-08-2004	Ba	Tiếng Anh K67	200,000	
18	Nguyễn Minh	Đức	Đại học_Công nghệ phần mềm_K66E	2121050043	23-09-2003	Ba	Tiếng Anh K64-65-66	200,000	
19	Lỗ Thùy	Dung	Quản trị thương mại điện tử_67C	2224010757	12-03-2004	Ba	Khoa học Mác - Lê nin và Tư tưởng HCM	200,000	
20	Đỗ Minh	Dũng	Kỹ thuật môi trường_K68	2321080028	06-10-2005	Ba	Tiếng Anh K68	200,000	
21	Trần Bá	Dũng	Hóa dược_K68	2321000022	28-09-2005	Ba	Tiếng Anh K68	200,000	
22	Lê Hương	Giang	Công nghệ thông tin_K67B1	2221050571	15-04-2004	Ba	Tiếng Anh K67	200,000	

TT	Họ và tên đệm	Tên	Lớp	MSSV	Ngày sinh	Giải	Môn thi	Mức thưởng (vnd)	Ghi chú
23	Vũ Thị Hương	Giang	Mạng máy tính_K66E	2121051074	28-07-2003	Ba	Tiếng Anh K64-65-108	200,000	
24	Đào Văn	Hiếu	Xây dựng hạ tầng cơ sở K66	2121070056	08-04-2003	Ba	Cơ kết cấu	200,000	
25	Hoàng Trung	Hiếu	Khoa học máy tính ứng dụng_K66C	2121051019	23-09-2003	Ba	Khoa học Mác - Lê nin và Tư tưởng HCM	200,000	
26	Nguyễn Duy	Hiếu	Kỹ thuật Robot và Trí tuệ nhân tạo_K68	2321060309	11-06-2005	Ba	Tiếng Anh K68	200,000	
27	Nguyễn Trung	Hiếu	Khoa học máy tính ứng dụng_K66E	2121050196	05-11-2003	Ba	Tiếng Anh K64-65-66	200,000	
28	Nguyễn Huy	Hiệu	Kỹ thuật dầu khí_K67	2221010048	07-11-2004	Ba	Tiếng Anh K67	200,000	
29	Trương Phương	Hoa	Kế toán_K67B1	2224010110	01-07-2004	Ba	Khoa học Mác - Lê nin và Tư tưởng HCM	200,000	
30	Đậu Thị	Hoa	Kế toán_K67C1	2224010660	16-10-2004	Ba	Khoa học Mác - Lê nin và Tư tưởng HCM	200,000	
31	Đoàn Phương	Hoa	Kế toán_K67B1	2224011018	26-11-2004	Ba	Tiếng Anh K67	200,000	
32	Đỗ Lâm	Hoàng	Đại học Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá_K67B	2221060219	16-09-2004	Ba	Tiếng Anh K67	200,000	
33	Đặng Xuân	Hồng	Kế toán_K67A1	2224010562	31-01-2004	Ba	Khoa học Mác - Lê nin và Tư tưởng HCM	200,000	
34	Nguyễn Sinh	Hùng	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá_K67B	2221060213	04-09-2004	Ba	Giải tích	200,000	
35	Trần Công	Hùng	Công nghệ thông tin B_K68	2321050068	17-01-2005	Ba	Giải tích	200,000	
36	Lê Văn	Hùng	Công nghệ phần mềm_K66D	2121050870	26-10-2003	Ba	Tiếng Anh K64-65-72	200,000	
37	Nguyễn Đức	Huy	Hóa dược_K67	2221000016	04-05-2004	Ba	Hoá học đại cương	200,000	
38	Bùi Quang	Huy	Kỹ thuật Cơ Điện tử_K68	2321060239	12-12-2005	Ba	Tiếng Anh K68	200,000	
39	Thái Thị	Huyền	Quản trị thương mại điện tử_K66_04C	2124011712	10-09-2002	Ba	Khoa học Mác - Lê nin và Tư tưởng HCM	200,000	
40	Nguyễn Quang	Khải	Khoa học máy tính ứng dụng_K66A	2121050597	12-01-2003	Ba	Khoa học Mác - Lê nin và Tư tưởng HCM	200,000	

TT	Họ và tên đệm	Tên	Lớp	MSSV	Ngày sinh	Giải	Môn thi	Mức thưởng (vnd)	Ghi chú
41	Bùi Văn Khiêm	Khiêm	Công nghệ thông tin B_K68	2321050076	24-12-2005	Ba	Tiếng Anh K64-65-66	200,000	
42	Nguyễn Tiến	Khởi	Công nghệ thông tin B_K68	2321050038	22-06-2005	Ba	Đại số	200,000	
43	Trần	Kiên	Hệ thống thông tin_K66C	2121050173	06-08-2003	Ba	Tiếng Anh K64-65-66	200,000	
44	Nguyễn Thị Kim	Liên	Quản trị kinh doanh_K66_01A	2124012239	14-07-2003	Ba	Khoa học Mác - Lê nin và Tư tưởng HCM	200,000	
45	Trần Tuấn	Linh	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá_K67A	2221060342	06-09-2004	Ba	Đại số	200,000	
46	Đỗ Thị	Linh	Quản trị thương mại điện tử_67C	2224010188	17-01-2004	Ba	Khoa học Mác - Lê nin và Tư tưởng HCM	200,000	
47	Trần Đoàn Nhật	Linh	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng_67B	2224010831	02-02-2004	Ba	Khoa học Mác - Lê nin và Tư tưởng HCM	200,000	
48	Nguyễn Kiều	Linh	Quản trị thương mại điện tử_K66_04G	2124011916	26-07-2003	Ba	Khoa học Mác - Lê nin và Tư tưởng HCM	200,000	
49	Phạm Thị Phương	Linh	Kỹ thuật Robot và Trí tuệ nhân tạo_K68	2321060513	29-11-2005	Ba	Tiếng Anh K68	200,000	
50	Nguyễn Khánh	Linh	Đại học-Quản trị kinh doanh-K68	2324010061	28-09-2005	Ba	Tiếng Anh K68	200,000	
51	Nguyễn Hoàng Phương	Linh	Quản trị kinh doanh_67B	2221030299	02-11-2004	Ba	Tiếng Anh K67	200,000	
52	Cao Thị Khánh	Linh	Kế toán_K67B1	2224010955	23-06-2004	Ba	Khoa học Mác - Lê nin và Tư tưởng HCM	200,000	
53	Phạm Văn	Long	Kỹ thuật cơ khí_K68	2321060028	06/072005	Ba	Cơ lý thuyết	200,000	
54	Hoàng Ngọc Bảo	Long	Hệ thống thông tin_K66E	2121050223	22-11-2003	Ba	Tiếng Anh K64-65-66	200,000	
55	Phạm Huy	Long	Công nghệ thông tin_K67A1	2221050061	18-06-2004	Ba	Tin học	200,000	
56	Hoàng Thị Ngọc	Mai	Kế toán_K67B1	2224010967	09-08-2004	Ba	Khoa học Mác - Lê nin và Tư tưởng HCM	200,000	
57	Văn Thị	Minh	Tài chính - ngân hàng_K68	2324010257	09-02-2005	Ba	Tiếng Anh K68	200,000	
58	Đỗ Tuấn	Minh	Công nghệ kỹ thuật hoá học_K68	2321010011	12-12-2005	Ba	Tiếng Anh K68	200,000	

TT	Họ và tên đệm	Tên	Lớp	MSSV	Ngày sinh	Giải	Môn thi	Mức thưởng (vnd)	Ghi chú
59	Tăng Hải	Nam	Kỹ thuật Cơ Điện tử_K67C	2221060729	19-01-2004	Ba	Cơ lý thuyết	200,000	
60	Trần Hữu	Nam	Công nghệ thông tin_K67A1	2221050469	16-09-2004	Ba	Tiếng Anh K67	200,000	
61	Vương Thị Hồng	Nga	Tài chính - ngân hàng_K67A	2224010755	30-07-2004	Ba	Khoa học Mác - Lê nin và Tư tưởng HCM	200,000	
62	Dương Ngọc Bích	Ngân	Kế toán_K67B2	2224010976	03-10-2004	Ba	Khoa học Mác - Lê nin và Tư tưởng HCM	200,000	
63	Nghiêm Lan	Nhi	Đại học_Hóa dược_K67	2221000008	17-02-2004	Ba	Hoá học đại cương	200,000	
64	Trần Thị Yến	Nhi	Công nghệ thông tin_K67C2	2221050352	05-10-2004	Ba	Khoa học Mác - Lê nin và Tư tưởng HCM	200,000	
65	Nguyễn Thị	Nương	Quản trị thương mại điện tử_K66_04B	2124010085	13-07-2003	Ba	Khoa học Mác - Lê nin và Tư tưởng HCM	200,000	
66	Lê Duy Phong	Phong	Xây dựng hạ tầng cơ sở K66	2121070031	28-05-2003	Ba	Cơ kết cấu	200,000	
67	Phùng Anh	Quân	Công nghệ số trong thăm dò và khai thác tài nguyên thiên nhiên_K67	2221010058	12-06-2004	Ba	Khoa học Mác - Lê nin và Tư tưởng HCM	200,000	
68	Nguyễn Việt	Quang	Đại học-Quản trị kinh doanh-K68	2324010084	27-06-2005	Ba	Tiếng Anh K68	200,000	
69	Trương Thế	Sang	Đại học-Quản trị kinh doanh-K68	2324010104	22-05-2005	Ba	Tiếng Anh K68	200,000	
70	Dương Đông	Son	Tài chính - ngân hàng_K66A1	2124010219	14-08-2003	Ba	Tiếng Anh K64-65-66	200,000	
71	Hoàng Vũ Minh	Tâm	Kỹ thuật dầu khí_K68	2321010020	26-08-2005	Ba	Tiếng Anh K68	200,000	
72	Nguyễn Hồng	Thái	Công nghệ thông tin_K67A1	2221050578	03-12-2004	Ba	Tiếng Anh K67	200,000	
73	Lê Văn	Thành	Khoa học máy tính ứng dụng_K66A	2121050987	17-10-2003	Ba	Khoa học Mác - Lê nin và Tư tưởng HCM	200,000	
74	Nguyễn Phương	Thảo	Kế toán_K68	2324010053	07-05-2005	Ba	Tiếng Anh K68	200,000	
75	Trương Thị	Thảo	Kế toán_K68	2324010233	30-09-2005	Ba	Tiếng Anh K68	200,000	
76	Lê Văn	Thạo	Đại học - Công nghệ chế tạo máy K66	2121060474	03-01-2003	Ba	Cơ lý thuyết	200,000	

TT	Họ và tên đệm	Tên	Lớp	MSSV	Ngày sinh	Giải	Môn thi	Mức thưởng (vnd)	Ghi chú
77	Lê Văn	Thạo	Đại học - Công nghệ chế tạo máy K66	2121060474	03-01-2003	Ba	Sức bền vật liệu	200,000	
78	Nguyễn Văn	Thức	Đại học - Công nghệ chế tạo máy K66	2121060237	19-05-2003	Ba	Chi tiết máy	200,000	
79	Dương Thị Ngọc	Thúy	Hệ thống thông tin_K66D	2121050908	13-03-2003	Ba	Khoa học Mác - Lê nin và Tư tưởng HCM	200,000	
80	Đỗ Thị Thu	Thúy	Tài chính - ngân hàng_K66A1	2124010114	11-03-2000	Ba	Tiếng Anh K64-65-66	200,000	
81	Đỗ Duy	Tiến	Công nghệ thông tin_K67A1	2221050180	31-05-2004	Ba	Tiếng Anh K67	200,000	
82	Trần Văn	Tiến	Kỹ thuật cơ khí_K67	2221060198	20-04-04	Ba	Thủy lực	200,000	
83	Mai Thanh	Toàn	Đại học - Công nghệ chế tạo máy K65	2021060324	16-03-2002	Ba	Ứng dụng tin học trong Thiết kế chi tiết máy	200,000	
84	Bùi Thuý	Trâm	Công nghệ thông tin_K67A2	2221050858	14-01-2004	Ba	Khoa học Mác - Lê nin và Tư tưởng HCM	200,000	
85	Nguyễn Duy Tài	Trọng	Kỹ thuật Cơ Điện tử_K67A	2221060436	28-02-2004	Ba	Sức bền vật liệu	200,000	
86	Ngô Ngọc	Trường	Kỹ thuật Cơ Điện tử_K68	2321060333	28-02-2005	Ba	Tiếng Anh K68	200,000	
87	Đàm Anh	Tuấn	Xây dựng dân dụng và công nghiệp_67	2221070151	10-02-2004	Ba	Cơ kết cấu	200,000	
88	Trần Đăng	Tùng	Đại học - Cơ khí ô tô K66	2121060660	15-10-2003	Ba	Chi tiết máy	200,000	
89	Nguyễn Vũ Sơn	Tùng	Xây dựng hạ tầng cơ sở_67	2221070002	22-04-2004	Ba	Cơ kết cấu	200,000	
90	Tổng Dương	Tuyển	Công nghệ Kỹ thuật điện, điện tử_K68	2321060406	01-11-2005	Ba	Tiếng Anh K68	200,000	
91	Tổng Thị	Vân	Kế toán_K67B2	2224010772	07-04-2004	Ba	Khoa học Mác - Lê nin và Tư tưởng HCM	200,000	
92	Nguyễn Quốc	Việt	Trắc địa bản đồ_67	2221030005	19-09-2004	Ba	Tiếng Anh K67	200,000	
93	Hoàng Thị	Yến	Công nghệ thông tin_K67D2	2221050386	06-12-2003	Ba	Hoá học đại cương	200,000	
<b>GIẢI KHUYẾN KHÍCH</b>									

TT	Họ và tên đệm	Tên	Lớp	MSSV	Ngày sinh	Giải	Môn thi	Mức thưởng (vnd)	Ghi chú
1	Nguyễn Tiến	Anh	Đại học - Kỹ thuật Ô tô_K67A	2221060503	15-04-2004	Khuyến khích	Cơ lý thuyết	100,000	
2	Nguyễn Hoàng	Anh	Kỹ thuật Robot và Trí tuệ nhân tạo_K68	2321060287	03-05-2005	Khuyến khích	Giải tích	100,000	
3	Nguyễn Huy	Anh	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá B_K68	2321060221	01-11-2005	Khuyến khích	Giải tích	100,000	
4	Vũ Đình Đức	Anh	Kỹ thuật Cơ Điện tử_K68	2321060071	27-11-2004	Khuyến khích	Giải tích	100,000	
5	Phạm Thị Hải	Anh	Khoa học máy tính ứng dụng_K66D	2121050697	22-08-2003	Khuyến khích	Khoa học Mác - Lê nin và Tư tưởng HCM	100,000	
6	Nguyễn Thế	Anh	Kỹ thuật Cơ Điện tử_K67A	2221060607	20-04-2004	Khuyến khích	Sức bền vật liệu	100,000	
7	Lê Hoàng	Anh	Kỹ thuật cơ khí_K68	2321060010	14-12-2005	Khuyến khích	Tiếng Anh K68	100,000	
8	Nguyễn Đắc Tuấn	Anh	Công nghệ thông tin (Chất lượng cao)_K67A	2221050311	09-09-2004	Khuyến khích	Tiếng Anh K67	100,000	
9	Nguyễn Hoàng	Anh	Công nghệ thông tin (Chất lượng cao)_K67A	2221050577	02-11-2004	Khuyến khích	Tiếng Anh K67	100,000	
10	Nguyễn Đức	Anh	Công nghệ thông tin_K67F1	2221050456	20-09-2004	Khuyến khích	Tiếng Anh K67	100,000	
11	Lý Phương	Anh	Tài chính - ngân hàng_K67C	2224010506	22-12-2004	Khuyến khích	Tiếng Anh K67	100,000	
12	Nguyễn Hoàng	Anh	Công nghệ thông tin (Chất lượng cao)_K67A	2221050577	02-11-2004	Khuyến khích	Tiếng Anh K64-65-66	100,000	
13	Nguyễn Thị Kim	Anh	Đại học - Kỹ thuật hóa học - CTTTK68	2321010077	11-11-2005	Khuyến khích	Tiếng Anh K68	100,000	
14	Hoàng	Bào	Mạng máy tính_K66B	2121051041	17-07-2003	Khuyến khích	Khoa học Mác - Lê nin và Tư tưởng HCM	100,000	
15	Hoàng Ngọc	Bào	Quản trị kinh doanh_67A	2224010468	26-10-2004	Khuyến khích	Tiếng Anh K67	100,000	
16	Nguyễn Hải	Bình	Kỹ thuật dầu khí_K68	2321010085	05-12-2005	Khuyến khích	Vật lý	100,000	
17	Đỗ Thị Ngọc	Châm	Tài chính - ngân hàng_K66B2	2124011069	14-07-2003	Khuyến khích	Khoa học Mác - Lê nin và Tư tưởng HCM	100,000	
18	Phùng Ngọc	Châu	Công nghệ thông tin_K67B2	2221050388	07-11-2004	Khuyến khích	Tiếng Anh K67	100,000	

TT	Họ và tên đệm	Tên	Lớp	MSSV	Ngày sinh	Giải	Môn thi	Mức thưởng (vnd)	Ghi chú
19	Lại Đức	Chung	Kỹ thuật cơ khí_K68	2321060297	03-05-2005	Khuyến khích	Cơ lý thuyết	100,000	
20	Trần Thị	Cúc	Quản trị kinh doanh_K66_01C	2124010800	08-03-2002	Khuyến khích	Đại số	100,000	
21	Trần Thị	Cúc	Quản trị kinh doanh_K66_01C	2124010800	08-03-2002	Khuyến khích	Giải tích	100,000	
22	Lưu Trần Việt	Cường	Địa tin học_K65	2021010188	07-07-2002	Khuyến khích	Khoa học Mác - Lê nin và Tư tưởng HCM	100,000	
23	Ngô Mạnh	Cường	Công nghệ thông tin_K67B2	2221050482	17-05-2004	Khuyến khích	Tiếng Anh K67	100,000	
24	Nguyễn Ngọc	Cường	Khoa học Dữ liệu A_K68	2321050061	10-09-2005	Khuyến khích	Tin học	100,000	
25	Phan Đình Đạt	Dân	Đại học - Máy và thiết bị mô - K66	2121060030	24-09-2002	Khuyến khích	Chi tiết máy	100,000	
26	Nguyễn Thành	Đạt	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá_K67A	2221060019	11-10-2004	Khuyến khích	Tiếng Anh K67	100,000	
27	Nguyễn Tiến	Đạt	Đại học - Mạng máy tính A- K65	2021050181	28-11-2002	Khuyến khích	Tiếng Anh K64-65-66	100,000	
28	Nguyễn Ngọc	Diệp	Kế toán_K66E2	2124011229	28-11-2003	Khuyến khích	Vật lý	100,000	
29	Nguyễn Văn	Diệp	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá_K67A	2221060188	18-10-2004	Khuyến khích	Khoa học Mác - Lê nin và Tư tưởng HCM	100,000	
30	Phạm Thị	Dịu	Quản trị Marketing truyền thông_K66_05E	2124010938	23-11-2003	Khuyến khích	Khoa học Mác - Lê nin và Tư tưởng HCM	100,000	
31	Nguyễn Trọng	Đông	Đại học - Công nghệ chế tạo máy K66	2121060330	26-02-2003	Khuyến khích	Chi tiết máy	100,000	
32	Trần Xuân	Dự	Đại học - Kỹ thuật Ô tô_K67A	2221060004	29-04-2004	Khuyến khích	Sức bền vật liệu	100,000	
33	Vũ Văn	Duẩn	Đại học - Kỹ thuật Ô tô_K67c	2221060661	03-04-2004	Khuyến khích	Sức bền vật liệu	100,000	
34	Cao văn	Đức	Kỹ thuật điện_K68B	2321060454	27-02-2005	Khuyến khích	Đại số	100,000	
35	Nguyễn Xuân	Đức	Công nghệ thông tin_K67A2	2221050133	17-12-2004	Khuyến khích	Tiếng Anh K67	100,000	
36	Nguyễn Minh	Đức	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá_K66A1	2121060637	20-04-2003	Khuyến khích	Tiếng Anh K64-65-66	100,000	

TT	Họ và tên đệm	Tên	Lớp	MSSV	Ngày sinh	Giải	Môn thi	Mức thưởng (vnd)	Ghi chú
37	Nguyễn Tiến	Dũng	Công nghệ thông tin_K67F1	2221050129	22-08-2004	Khuyến khích	Tiếng Anh K67	100,000	
38	Nguyễn Văn	Dũng	Khoa học Dữ liệu_K67B	2221050284	04-01-2002	Khuyến khích	Tiếng Anh K67	100,000	
39	Phạm Tiến	Dũng	Công nghệ thông tin_K67B1	2221050669	03-11-2004	Khuyến khích	Tiếng Anh K67	100,000	
40	Nguyễn Tiến	Dũng	Công nghệ thông tin_K67F1	2221050129	22-08-2004	Khuyến khích	Tiếng Anh K64-65-66	100,000	
41	Đàm Mạnh	Dũng	Công nghệ thông tin_K67B2	2221050359	07-02-2004	Khuyến khích	Tin học	100,000	
42	Nguyễn Trọng	Dương	Đại học - Cơ khí ô tô K66	2121060032	14-03-2003	Khuyến khích	Chi tiết máy	100,000	
43	Nguyễn Trọng	Dương	Đại học - Cơ khí ô tô K66	2121060032	14-03-2003	Khuyến khích	Khoa học Mác - Lê nin và Tư tưởng HCM	100,000	
44	Nguyễn Thị Bạch	Dương	Tin học Kinh tế_K66A	2121050053	07-10-2003	Khuyến khích	Tiếng Anh K64-65-66	100,000	
45	Ngô Mỹ	Duyên	Kế toán_K67B1	2224010568	07-01-2004	Khuyến khích	Tiếng Anh K67	100,000	
46	Phạm Hương	Giang	Quản lý đất đai_K67B	2221030160	25-04-2004	Khuyến khích	Tiếng Anh K67	100,000	
47	Nguyễn Vũ Hà	Giang	Tin học Kinh tế_K66E	2121051044	22-09-2003	Khuyến khích	Tiếng Anh K64-65-66	100,000	
48	Quản Trọng	Hà	Kỹ thuật Cơ Điện tử_K68	2321060437	23-11-2005	Khuyến khích	Giải tích	100,000	
49	Quản Trọng	Hà	Kỹ thuật Cơ Điện tử_K68	2321060437	23-11-2005	Khuyến khích	Hình hoạ	100,000	
50	Bùi Thị Minh	Hà	Đại học - Công nghệ phần mềm C- K65	2021050225	25-04-2002	Khuyến khích	Tiếng Anh K64-65-66	100,000	
51	Lê Thu	Hà	Quản trị thương mại điện tử_K66_04H	2124010966	06-08-2003	Khuyến khích	Tiếng Anh K64-65-66	100,000	
52	Lê Đức	Hải	Địa tin học_K65	2021030113	19-05-2002	Khuyến khích	Tiếng Anh K64-65-66	100,000	
53	Lê Ngọc	Hải	Công nghệ thông tin_K67D1	2221050781	05-10-2004	Khuyến khích	Tin học	100,000	
54	Lê Thị Dịu	Hiền	Kế toán_K67B1	2224010734	02-05-2004	Khuyến khích	Khoa học Mác - Lê nin và Tư tưởng HCM	100,000	

TT	Họ và tên đệm	Tên	Lớp	MSSV	Ngày sinh	Giải	Môn thi	Mức thưởng (vnd)	Ghi chú
55	Nguyễn Thị	Hiền	Kế toán_K67B1	2224011052	02-09-2004	Khuyến khích	Khoa học Mác - Lê nin và Tư tưởng HCM	100,000	
56	Nguyễn Thu	Hiền	Tài chính - ngân hàng_K67B	2224010264	18-02-2004	Khuyến khích	Tiếng Anh K67	100,000	
57	Nguyễn Thuý	Hiền	Quản trị thương mại điện tử_67C	2224010471	02-01-2004	Khuyến khích	Tiếng Anh K67	100,000	
58	Nguyễn Thu	Hiền	Tài chính - ngân hàng_K67B	2224010264	18-02-2004	Khuyến khích	Tiếng Anh K64-65-66	100,000	
59	Bùi Minh	Hiếu	Công nghệ thông tin_K67E2	2221050683	05-12-2004	Khuyến khích	Đại số	100,000	
60	Bùi Minh	Hiếu	Công nghệ thông tin_K67E2	2221050683	05-12-2004	Khuyến khích	Giải tích	100,000	
61	Nguyễn Bảo	Hiếu	Trắc địa_67	2221030067	20-02-2003	Khuyến khích	Khoa học Mác - Lê nin và Tư tưởng HCM	100,000	
62	Nguyễn Đức	Hiếu	Kỹ thuật Cơ Điện tử_K67A	2221060162	18-09-2004	Khuyến khích	Sức bền vật liệu	100,000	
63	Hoàng Công	Hiếu	Công nghệ thông tin_K67B2	2221050356	01-04-2004	Khuyến khích	Tiếng Anh K67	100,000	
64	Nguyễn Minh	Hiếu	Khoa học máy tính ứng dụng_K66C	2121050417	30-01-2003	Khuyến khích	Tiếng Anh K64-65-66	100,000	
65	Trương Phương	Hoa	Kế toán_K67B1	2224010110	01-07-2004	Khuyến khích	Tiếng Anh K67	100,000	
66	Nguyễn Việt	Hoà	Địa tin học_K67	2221030315	17-06-2004	Khuyến khích	Tiếng Anh K67	100,000	
67	Nguyễn Văn	Hoan	Điện-Điện tử	2121060700	27-01-2003	Khuyến khích	Khoa học Mác - Lê nin và Tư tưởng HCM	100,000	
68	Trần Huy	Hoàng	Công nghệ thông tin_K67D1	2221050450	06-09-2004	Khuyến khích	Tiếng Anh K67	100,000	
69	Đinh Thị	Hồng	Kế toán_K67A1	2224010463	12-04-2004	Khuyến khích	Khoa học Mác - Lê nin và Tư tưởng HCM	100,000	
70	Đặng Xuân	Hồng	Kế toán_K67A1	2224010562	31-01-2004	Khuyến khích	Tiếng Anh K67	100,000	
71	Vũ Nữ Việt	Hồng	Kế toán_K66F1	2124011753	13-03-2003	Khuyến khích	Tiếng Anh K64-65-66	100,000	
72	Trần Ngọc	Hồng Anh	Quản lý phát triển đô thị và BDS_K68	2321030107	02-04-2003	Khuyến khích	Tiếng Anh K68	100,000	

TT	Họ và tên đệm	Tên	Lớp	MSSV	Ngày sinh	Giải	Môn thi	Mức thưởng (vnd)	Ghi chú
73	Nguyễn Thu	Huế	Kế toán_K66C1	2124010834	23-12-2003	Khuyến khích	Tiếng Anh K64-65-66	100,000	
74	Đỗ Thu	Huệ	Khoa học máy tính ứng dụng_K66E	2121050331	17-08-2003	Khuyến khích	Tiếng Anh K64-65-66	100,000	
75	Bùi Thị	Huệ	Quản trị thương mại điện tử_K66_04H	2124012274	09-07-2003	Khuyến khích	Tiếng Anh K64-65-66	100,000	
76	Đậu Mạnh	Hùng	Đại học - Công nghệ chế tạo máy K65	2021060128	02-12-2002	Khuyến khích	Chi tiết máy	100,000	
77	Nguyễn Sinh	Hùng	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá_K67B	2221060213	04-09-2004	Khuyến khích	Đại số	100,000	
78	Nguyễn Đình	Hùng	Kỹ thuật cơ khí_K67	2221060304	30-09-04	Khuyến khích	Thủy lực	100,000	
79	Đặng Quốc	Hung	Kỹ thuật Địa vật lý_K68	2321010143	01-11-2005	Khuyến khích	Đại số	100,000	
80	Trần Tấn	Hung	Kỹ thuật Robot và Trí tuệ nhân tạo_K68	2321060099	10-12-2005	Khuyến khích	Giải tích	100,000	
81	Đỗ Đình	Hung	Công nghệ thông tin_K67A1	2221050586	19-05-2004	Khuyến khích	Tiếng Anh K67	100,000	
82	Vũ Nhật	Hương	Kế toán_K66E2	2124011590	01-12-2003	Khuyến khích	Khoa học Mác - Lê nin và Tư tưởng HCM	100,000	
83	Nguyễn Quốc	Huy	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá_K66C1	2121060597	25-03-2003	Khuyến khích	Đại số	100,000	
84	Nguyễn Đăng	Huy	Địa tin học_K67	2221030208	22-06-2004	Khuyến khích	Khoa học Mác - Lê nin và Tư tưởng HCM	100,000	
85	Bùi Quang Huy	Huy	Kỹ thuật Cơ Điện tử_K68	2321060006	24-01-2005	Khuyến khích	Tiếng Anh K68	100,000	
86	Nguyễn Vũ	Huy	Công nghệ thông tin_K67C2	2221050365	26-12-2004	Khuyến khích	Tiếng Anh K67	100,000	
87	Đặng Quang	Huy	Tài chính - ngân hàng_K66A2	2124010370	28-01-2003	Khuyến khích	Tiếng Anh K64-65-66	100,000	
88	Nguyễn Thị Minh	Huyền	Kế toán_K66A2	2124010272	25-03-2003	Khuyến khích	Khoa học Mác - Lê nin và Tư tưởng HCM	100,000	
89	Nguyễn Tuyền	Khánh	Đại học - Công nghệ chế tạo máy K66	2121060152	29-04-2003	Khuyến khích	Chi tiết máy	100,000	
90	Nguyễn Huy	Khánh	Địa tin học_K67	2221030320	05-08-2004	Khuyến khích	Khoa học Mác - Lê nin và Tư tưởng HCM	100,000	

TT	Họ và tên đệm	Tên	Lớp	MSSV	Ngày sinh	Giải	Môn thi	Mức thưởng (vnd)	Ghi chú
91	Vương Thị	Kiều Trang	Tài chính - ngân hàng_K67B	2224010408	20-12-2004	Khuyến khích	Tiếng Anh K64-65-76	100,000	
92	Nguyễn Thị Ngọc	Lan	Kế toán_K66D2	2124011420	05-12-2003	Khuyến khích	Khoa học Mác - Lê nin và Tư tưởng HCM	100,000	
93	Trần Thị Quỳnh	Lan	Kế toán_K67A1	2224010965	12-10-2004	Khuyến khích	Tiếng Anh K67	100,000	
94	Phạm Thị Phương	Linh	Kỹ thuật Robot và Trí tuệ nhân tạo_K68	2321060513	29-11-2005	Khuyến khích	Giải tích	100,000	
95	Trần Thị Thuý	Linh	Quản trị thương mại điện tử_67A	2224010185	16-09-2004	Khuyến khích	Khoa học Mác - Lê nin và Tư tưởng HCM	100,000	
96	Ngô Thị Diệu	Linh	Tài chính - ngân hàng_K66A1	2124010134	15-10-2003	Khuyến khích	Khoa học Mác - Lê nin và Tư tưởng HCM	100,000	
97	Nguyễn Diệu	Linh	Đại học-Quản trị kinh doanh-K68	2324010098	22-09-2005	Khuyến khích	Tiếng Anh K68	100,000	
98	Nguyễn Đình	Linh	Công nghệ thông tin_K67D1	2221050431	27-11-2004	Khuyến khích	Tiếng Anh K67	100,000	
99	Nguyễn Thị Hoài	Linh	Quản trị Marketing truyền thông_67C	2224010406	01-12-2004	Khuyến khích	Tiếng Anh K67	100,000	
100	Trần Thảo	Linh	Tài chính - ngân hàng_K66A2	2124010412	07-05-2003	Khuyến khích	Tiếng Anh K64-65-66	100,000	
101	Cao Thùy	Linh	Quản trị Marketing truyền thông_K66_05D	2124010786	20-01-2003	Khuyến khích	Khoa học Mác - Lê nin và Tư tưởng HCM	100,000	
102	Nguyễn Đại	Lực	Công nghệ thông tin A_K68	2321050118	29-06-2005	Khuyến khích	Giải tích	100,000	
103	Nguyễn Khánh	Ly	Địa kỹ thuật xây dựng_K66	2121020058	21-01-2003	Khuyến khích	Cơ học đất	100,000	
104	Trần Thị	Ly	Quản trị thương mại điện tử_K66_04F	2124011280	20-07-2003	Khuyến khích	Khoa học Mác - Lê nin và Tư tưởng HCM	100,000	
105	Hoàng Khánh	Ly	Tài chính - ngân hàng_K66C1	2124011607	23-11-2003	Khuyến khích	Tiếng Anh K64-65-66	100,000	
106	Nguyễn Cẩm	Ly	Quản trị thương mại điện tử_K66_04G	2124011996	05-01-2003	Khuyến khích	Tiếng Anh K64-65-66	100,000	
107	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	Kỹ thuật Robot và Trí tuệ nhân tạo_K68	2321060563	06-03-2005	Khuyến khích	Giải tích	100,000	
108	Lê Thị	Mai	Hệ thống thông tin_K66C	2121050565	06-02-2001	Khuyến khích	Tiếng Anh K64-65-66	100,000	

TT	Họ và tên đệm	Tên	Lớp	MSSV	Ngày sinh	Giải	Môn thi	Mức thưởng (vnd)	Ghi chú
109	Bùi Đức	Mạnh	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá B_K68	2321060039	16-12-2005	Khuyến khích	Đại số	100,000	
110	Lê Đức	Mạnh	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá B_K68	2321060088	18-07-2005	Khuyến khích	Giải tích	100,000	
111	Nguyễn Ngọc	Minh	Công nghệ thông tin (Chất lượng cao)_K66A1	2121050595	27-03-2003	Khuyến khích	Đại số	100,000	
112	Lê Ái	Minh	Quản lý đất đai_K66A1	2121030051	27-10-2003	Khuyến khích	Tiếng Anh K64-65-66	100,000	
113	Nguyễn Trà	My	Quản lý phát triển đô thị và BDS_K68	2321030137	27-09-2005	Khuyến khích	Tiếng Anh K68	100,000	
114	Nguyễn Thị Trà	My	Quản lý phát triển đô thị và BDS_K68	2321030061	07-03-2005	Khuyến khích	Tiếng Anh K68	100,000	
115	Nguyễn Hà	My	Công nghệ thông tin_K67D1	2221050433	22-11-2004	Khuyến khích	Tiếng Anh K67	100,000	
116	Nguyễn Hải	Nam	Công nghệ thông tin_K67F1	2221050693	01-04-2004	Khuyến khích	Tiếng Anh K67	100,000	
117	Phạm Ngọc	Nam	Kỹ thuật Cơ Điện tử_K67C	2221060667	08-09-2004	Khuyến khích	Tiếng Anh K67	100,000	
118	Lê Hoàng	Nam	Công nghệ thông tin_K67F2	2221050640	25-11-2004	Khuyến khích	Tiếng Anh K67	100,000	
119	Nguyễn Hải	Nam	Khoa học Dữ liệu_K67A	2221050829	16-03-2004	Khuyến khích	Tiếng Anh K67	100,000	
120	Trần Hữu	Nam	Công nghệ thông tin_K67A1	2221050469	16-09-2004	Khuyến khích	Tiếng Anh K64-65-6	100,000	
121	Hoàng Hoài	Nam	Quản trị kinh doanh_K66_01B	2124010322	13-09-2003	Khuyến khích	Tiếng Anh K64-65-66	100,000	
122	Trần Thu	Ngân	Tài chính - ngân hàng_K67C	2224010142	09-03-2004	Khuyến khích	Khoa học Mác - Lê nin và Tư tưởng HCM	100,000	
123	Trần Hồng	Ngọc	Khoa học Dữ liệu_K67B	2221050102	27-11-2004	Khuyến khích	Giải tích	100,000	
124	Nguyễn Phú Bảo	Ngọc	Quản lý tài nguyên và môi trường A_K68	2321080031	25-12-2003	Khuyến khích	Tiếng Anh K68	100,000	
125	Hoàng Hồng	Ngọc	Kế toán_K67C2	2224010204	26-09-2004	Khuyến khích	Tiếng Anh K67	100,000	
126	Nguyễn Trọng Bảo	Ngọc	Kỹ thuật cơ khí_K67	2221060243	09-02-04	Khuyến khích	Thủy lực	100,000	

TT	Họ và tên đệm	Tên	Lớp	MSSV	Ngày sinh	Giải	Môn thi	Mức thưởng (vnd)	Ghi chú
127	Vũ Văn	Nguyên	Đại học - Công nghệ chế tạo máy K66	2121060429	24-02-2003	Khuyến khích	Sức bền vật liệu	100,000	
128	Trần Thảo	Nguyên	Đại học-Quản trị kinh doanh-K68	2324010166	24-12-2005	Khuyến khích	Tiếng Anh K68	100,000	
129	Vũ Văn	Nguyên	Đại học - Công nghệ chế tạo máy K66	2121060429	24-02-2003	Khuyến khích	Ứng dụng tin học trong Thiết kế chi tiết máy	100,000	
130	Nguyễn Thị Minh	Nguyệt	Tài chính - ngân hàng_K67C	2224010867	19-02-2004	Khuyến khích	Khoa học Mác - Lê nin và Tư tưởng HCM	100,000	
131	Phạm Thị Minh	Nguyệt	Kế toán_K67A2	2224010100	28-07-2004	Khuyến khích	Tiếng Anh K67	100,000	
132	Khuất Thị	Nhàn	Kế toán_K67B2	2224011235	28-02-2003	Khuyến khích	Khoa học Mác - Lê nin và Tư tưởng HCM	100,000	
133	Phạm Đức	Nhân	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá A_K68	2321060336	01-09-2005	Khuyến khích	Hoá học đại cương	100,000	
134	Dương Yến	Nhi	Kế toán_K67B2	2224010420	22-03-2004	Khuyến khích	Tiếng Anh K67	100,000	
135	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	Đại học - Kỹ thuật hóa học - CTTTK68	2321010078	10-02-2005	Khuyến khích	Tiếng Anh K68	100,000	
136	Vũ Thị Kim	Oanh	Công nghệ thông tin_K67C2	2221050566	25-02-2004	Khuyến khích	Vật lý	100,000	
137	Trần Hồng	Oanh	Quản lý đất đai_K67B	2221030133	20-06-2004	Khuyến khích	Khoa học Mác - Lê nin và Tư tưởng HCM	100,000	
138	Nguyễn Văn	Phú	Khoa học máy tính ứng dụng_K66D	2121050443	08-02-2003	Khuyến khích	Tiếng Anh K64-65-66	100,000	
139	Nguyễn Đình	Phú	Công nghệ thông tin_K67A2	2221050114	25-07-2004	Khuyến khích	Tiếng Anh K64-65-66	100,000	
140	Nguyễn Công	Phúc	Kỹ thuật Robot và Trí tuệ nhân tạo_K68	2321060195	06-05-2005	Khuyến khích	Giải tích	100,000	
141	Đông Ngọc	Phúc	Công nghệ thông tin (Chất lượng cao)_K67B	2221050279	12-11-2004	Khuyến khích	Tiếng Anh K67	100,000	
142	Vũ Tiến	Phúc	Hệ thống thông tin_K66A	2121051472	28-05-2003	Khuyến khích	Tin học	100,000	
143	Hoàng Bùi Thu	Phương	Hóa dược_K68	2321000017	04-08-2005	Khuyến khích	Hoá học đại cương	100,000	
144	Phạm Thị	Phượng	Công nghệ thông tin_K67A1	2221050063	20-06-2004	Khuyến khích	Tin học	100,000	

TT	Họ và tên đệm	Tên	Lớp	MSSV	Ngày sinh	Giải	Môn thi	Mức thưởng (vnd)	Ghi chú
145	Nguyễn Minh	Phuong	Quản lý xây dựng_K67b	2221070233	27-11-2004	Khuyến khích	Cơ kết cấu	100,000	
146	Phạm Hồng	Quân	Kỹ thuật cơ khí_K68	2321060552	05-04-2004	Khuyến khích	Cơ lý thuyết	100,000	
147	Lê Minh	Quân	Công nghệ thông tin_K67D2	2221050656	29-09-2004	Khuyến khích	Tiếng Anh K64-65-66	100,000	
148	Sa Minh	Quân	Công nghệ phần mềm_K66C	2121050239	30-11-2003	Khuyến khích	Tiếng Anh K64-65-66	100,000	
149	Nguyễn Lý	Quang	Công nghệ thông tin_K67E2	2221050288	26-09-2004	Khuyến khích	Tiếng Anh K67	100,000	
150	Hoàng Ngọc	Quý	Công nghệ phần mềm_K66B	2121050570	14-05-2003	Khuyến khích	Giải tích	100,000	
151	Ngô Thị Ánh	Quỳnh	Quản lý đất đai_K67B	2221030120	02-02-2004	Khuyến khích	Khoa học Mác - Lê nin và Tư tưởng HCM	100,000	
152	Vũ Như	Quỳnh	Quản trị Marketing truyền thông_67A	2224010197	11-10-2004	Khuyến khích	Tiếng Anh K67	100,000	
153	Bùi Đức	Sáng	Kỹ thuật Cơ Điện tử_K67B	2221060635	04-02-2004	Khuyến khích	Sức bền vật liệu	100,000	
154	Đỗ Hữu	Son	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá B_K68	2321060285	10-07-2005	Khuyến khích	Đại số	100,000	
155	Đỗ Hữu	Son	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá B_K68	2321060285	10-07-2005	Khuyến khích	Giải tích	100,000	
156	Bùi Thái	Son	Kỹ thuật dầu khí_K68	2321010104	19-08-2005	Khuyến khích	Tiếng Anh K68	100,000	
157	Lê Thái	Son	Đại học-Quản trị kinh doanh-K68	2324010066	08-11-2005	Khuyến khích	Tin học	100,000	
158	Trần Đăng Ka	Song	Công nghệ thông tin_K67A1	2221050436	15-10-2004	Khuyến khích	Khoa học Mác - Lê nin và Tư tưởng HCM	100,000	
159	Phạm Văn	Tài	Đại học - Công nghệ chế tạo máy K65	2021060503	03-04-2002	Khuyến khích	Chi tiết máy	100,000	
160	Lê Quang	Tấn	Địa kỹ thuật xây dựng_K66	2121020034	08-12-2003	Khuyến khích	Cơ học đất	100,000	
161	Đậu Khắc	Thạch	Quản trị Marketing truyền thông_K66_05B	2124012197	02-06-2003	Khuyến khích	Khoa học Mác - Lê nin và Tư tưởng HCM	100,000	
162	Nguyễn Đức	Thái Anh	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá_K67B	2221060117	05-09-2004	Khuyến khích	Tiếng Anh K67	100,000	

TT	Họ và tên đệm	Tên	Lớp	MSSV	Ngày sinh	Giải	Môn thi	Mức thưởng (vnd)	Ghi chú
163	Phan Văn	Thắng	Xây dựng công trình ngầm_67	2221070004	05-12-2004	Khuyến khích	Cơ kết cấu	100,000	
164	Nguyễn Ngọc	Thắng	Công nghệ thông tin địa học_K66B	2121050166	23-10-2003	Khuyến khích	Tiếng Anh K64-65-66	100,000	
165	Hoàng Minh	Thành	Công nghệ thông tin_K67B2	2221050565	23-02-2004	Khuyến khích	Tiếng Anh K67	100,000	
166	Đình Tiến	Thành	Hệ thống thông tin_K66A	2121050236	27-07-2003	Khuyến khích	Tiếng Anh K64-65-66	100,000	
167	Cù Văn	Thanh	Tài chính - ngân hàng_K67B	2224011014	26-04-2004	Khuyến khích	Tiếng Anh K67	100,000	
168	Nguyễn Thế	Thành	Quản trị Marketing truyền thông_67A	2224010929	29-10-2004	Khuyến khích	Tiếng Anh K67	100,000	
169	Phạm Phương	Thảo	Quản trị Marketing truyền thông_K66_05D	2124012208	01-04-2003	Khuyến khích	Khoa học Mác - Lê nin và Tư tưởng HCM	100,000	
170	Đoàn Vũ	Thiện	Đại học - Kỹ thuật Ô tô_K67A	2221060648	26-12-2004	Khuyến khích	Sức bền vật liệu	100,000	
171	Chu Đức	Thịnh	Tin học Kinh tế_K66B	2121050726	19-03-2003	Khuyến khích	Tiếng Anh K64-65-66	100,000	
172	Tạ Ngọc	Thịnh	Quản lý phát triển đô thị và BDS_K68	2321030189	14-05-2005	Khuyến khích	Đại số	100,000	
173	Phạm Thị Hoài	Thu	Đại học - Tin học kinh tế B- K65	2021050826	16-06-2002	Khuyến khích	Khoa học Mác - Lê nin và Tư tưởng HCM	100,000	
174	Tạ Đình	Thứ	Đại học - Công nghệ chế tạo máy K65	2021060320	20-07-2002	Khuyến khích	Ứng dụng tin học trong Thiết kế chi tiết máy	100,000	
175	Trịnh Hà	Thu Trang	Kế toán_K66C1	2124010830	07-08-2003	Khuyến khích	Tiếng Anh K64-65-66	100,000	
176	Tạ Quang	Thực	Kỹ thuật cơ khí_K68	2321060404	18/04/2005	Khuyến khích	Cơ lý thuyết	100,000	
177	Nguyễn Thị	Thương	Tài chính - ngân hàng_K66C1	2124011651	23-04-2003	Khuyến khích	Tiếng Anh K64-65-66	100,000	
178	Phạm Thị Diệu	Thúy	Thiết bị dầu khí_K66	2121010047	09-07-2003	Khuyến khích	Khoa học Mác - Lê nin và Tư tưởng HCM	100,000	
179	Nguyễn Vũ Hoàng	Thy	Kỹ thuật dầu khí_K67	2221010054	07-06-2004	Khuyến khích	Khoa học Mác - Lê nin và Tư tưởng HCM	100,000	
180	Nguyễn Vũ Hoàng	Thy	Kỹ thuật dầu khí_K67	2221010054	07-06-2004	Khuyến khích	Tiếng Anh K67	100,000	

TT	Họ và tên đệm	Tên	Lớp	MSSV	Ngày sinh	Giải	Môn thi	Mức thưởng (vnd)	Ghi chú
181	Đỗ Duy	Tiến	Công nghệ thông tin_K67A1	2221050180	31-05-2004	Khuyến khích	Giải tích	100,000	
182	Hồ Hữu	Tiến	Đại học - Kỹ thuật hóa học - CTTTK67	2221010007	03-04-2004	Khuyến khích	Tiếng Anh K67	100,000	
183	Nguyễn Ngọc	Tinh	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá A_K68	2321060351	01-12-2005	Khuyến khích	Giải tích	100,000	
184	Trương Ngọc	Toan	Công nghệ kỹ thuật hoá học_K67	2221010001	24-12-2004	Khuyến khích	Khoa học Mác - Lê nin và Tư tưởng HCM	100,000	
185	Lê Đức	Toàn	Công nghệ thông tin_K67F2	2221050065	02-12-2004	Khuyến khích	Tiếng Anh K67	100,000	
186	Đặng Thu	Trà	Khoa học máy tính ứng dụng_K66C	2121050961	02-07-2003	Khuyến khích	Khoa học Mác - Lê nin và Tư tưởng HCM	100,000	
187	Đinh Thị	Trang	Khoa học Dữ liệu_K67A	2221050174	17-07-2003	Khuyến khích	Khoa học Mác - Lê nin và Tư tưởng HCM	100,000	
188	Vương Thị Kiều	Trang	Tài chính - ngân hàng_K67B	2224010408	20-12-2004	Khuyến khích	Tiếng Anh K67	100,000	
189	Đinh Thị Hà	Trang	Kế toán_K67B2	2224010694	10-07-2004	Khuyến khích	Tiếng Anh K67	100,000	
190	Hoàng Thị Tố	Trinh	Tài chính - ngân hàng_K66A2	2124010585	26-08-2003	Khuyến khích	Tiếng Anh K64-65-66	100,000	
191	Vũ Đan	Trường	Quản lý đất đai_K66A2	2121030140	28-07-2003	Khuyến khích	Khoa học Mác - Lê nin và Tư tưởng HCM	100,000	
192	Phạm Xuân	Trường	Công nghệ thông tin_K67E1	2221050106	02-09-2004	Khuyến khích	Tiếng Anh K67	100,000	
193	Nguyễn Gia	Trường	Quản lý đất đai_K67A	2221030155	10-12-2004	Khuyến khích	Tiếng Anh K67	100,000	
194	Nguyễn Quang	Tú	Địa tin học_K67	2221030050	10-03-2004	Khuyến khích	Tiếng Anh K67	100,000	
195	Phạm Vũ Minh	Tú	Kỹ thuật cơ khí_K67	2221060041	24-09-04	Khuyến khích	Thủy lực	100,000	
196	Phạm Ngọc	Tùng	Kỹ thuật cơ khí_K68	2321060266	06-07-2004	Khuyến khích	Cơ lý thuyết	100,000	
197	Trần Thị Khánh	Vân	Kế toán_K67B2	2224010384	19-02-2004	Khuyến khích	Khoa học Mác - Lê nin và Tư tưởng HCM	100,000	
198	Vũ Thị Hồng	Vân	Kế toán_K67A2	2224011158	08-03-2004	Khuyến khích	Tiếng Anh K64-65-66	100,000	

TT	Họ và tên đệm	Tên	Lớp	MSSV	Ngày sinh	Giải	Môn thi	Mức thưởng (vnd)	Ghi chú
199	Nguyễn Thu	Vân	Quản trị thương mại điện tử_K66_04G	2124012007	28-08-2003	Khuyến khích	Tiếng Anh K64-65-66	100,000	
200	Nguyễn Hữu	Việt	Địa kỹ thuật xây dựng_K66	2121020076	26-12-2003	Khuyến khích	Cơ học đất	100,000	
201	Nguyễn Hữu	Việt	Công nghệ thông tin_K67E2	2221050761	03-01-2004	Khuyến khích	Tiếng Anh K67	100,000	
202	Phạm Hoàng	Vũ	Quản trị Marketing truyền thông_K66_05D	2124010751	27-12-2003	Khuyến khích	Tiếng Anh K64-65-66	100,000	
203	Trịnh Đắc	Vụ	Công nghệ thông tin_K67A2	2221050146	31-05-2004	Khuyến khích	Tiếng Anh K67	100,000	
204	Nguyễn Hà	Vy	Công nghệ thông tin_K67B2	2221050573	06-12-2004	Khuyến khích	Tiếng Anh K67	100,000	
<b>Tổng cộng</b>								<b>62,000,000</b>	

(Số tiền bằng chữ: Sáu mươi hai triệu đồng chẵn)